

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/ KDTM-ST
Ngày: 21/7/2023.
“ V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng “.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Trung.
- Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST- KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2023 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 01/2023/TB- TA ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Do ông Trần Văn T1– Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch An M làm đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 26/5/2023 của Giám đốc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện Tuy An). Địa chỉ: 312 QL1A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Anh T1 có mặt.

2. Bị đơn: V/c anh Bùi Văn T2, sinh năm 1984, chị Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1987. Đồng cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Anh T2 có mặt, chị L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt

Nam – Chi nhánh huyện T do ông Trần Văn T1 trình bày: Ngày 21/01/2019 vợ chồng anh T1, chị L có đơn đề nghị vay vốn gửi qua Ngân hàng nông nghiệp. Sau quá trình thỏa thuận ngày 22/01/2019 hai bên đã ký hợp đồng vay vốn số: 4602LAV 201900298 với hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng. Ngày nhận nợ 26/7/2019, mục đích vay: Nuôi tôm hùm thịt, hạn trả cuối cùng ngày 26/01/2021, lãi suất 10%/năm (cho vay không có đảm bảo về tài sản). Quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng anh T2, chị L có trả dần một phần tiền lãi cho Ngân hàng. Hiện nay bị đơn vợ chồng anh T2, chị L còn nợ phía Ngân hàng 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn 63.397.260 đồng và lãi quá hạn đến ngày 21/7/2023 là 24.821.918 đồng. Tổng cộng: **288.219.178 đồng**.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh T2, chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

Bị đơn anh T2 trình bày: Ngày 22/01/2019 vợ chồng tôi đã ký hợp đồng số: 4602LAV 201900298 vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện T số tiền 200.000.000 đồng. Ngày nhận nợ 26/7/2019, mục đích vay: Nuôi tôm hùm thịt (tuy nhiên do tôm bị thua lỗ nên chuyển sang nuôi bò), hạn trả cuối cùng ngày 26/01/2021, lãi suất 10%/năm (cho vay không có đảm bảo về tài sản). Trước đây vợ chồng tôi có trả dần một phần tiền lãi cho Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ phía Ngân hàng nông nghiệp 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn 63.397.260 đồng và lãi quá hạn đến ngày 21/7/2023 là 24.821.918 đồng. Tổng cộng: **288.219.178 đồng** như phía ngân hàng yêu cầu là đúng. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện gia đình tôi khó khăn chưa có khả năng trả nợ. Nay tôi cam kết hẹn 6 tháng sau sẽ có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/01/2019 vợ chồng anh T2, chị L đã ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện T (mục đích vay là nuôi tôm hùm thịt). Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị L đã được Tòa án huyện T tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị L vắng mặt không có lý do; Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị L nêu trên.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 21/01/2019 vợ chồng anh T2, chị L có đơn đề nghị vay vốn. Ngày 22/01/2019 vợ chồng anh T2, chị L đã ký hợp đồng tín dụng số: 4602LAV 201900298 vay của ngân hàng nông nghiệp 200.000.000 đồng. Ngày nhận nợ 26/7/2019, mục đích vay: Nuôi tôm hùm thịt, hạn trả cuối

cùng ngày 26/01/2021, lãi suất 10%/năm (cho vay không có đảm bảo về tài sản). Quá trình sử dụng vốn, vợ chồng anh T2, chị L có trả dần một phần tiền lãi. Hiện nay vợ chồng anh T2, chị L còn nợ phía Ngân hàng 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn 63.397.260 đồng và lãi quá hạn đến ngày 21/7/2023 là 24. 821.918 đồng. Tổng cộng: **288.219.178 đồng**. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên; Bị đơn anh T2 thừa nhận hiện nay còn nợ phía Ngân hàng số tiền gốc và lãi tổng cộng **288.219.178 đồng** và cam kết hẹn 6 tháng sau sẽ trả hết số tiền trên, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý.

[3].HĐXX nhận định: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 4602LAV 201900298 ngày 22/01/2019, giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 26/7/2019 và sự thừa nhận của các bên đương sự nên đây là chứng cứ vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi hàng tháng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng anh T2, chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền **288.219.178 đồng** (trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 63.397.260 đồng, tiền lãi quá hạn đến ngày 21/7/2023 là 24. 821.918 đồng).

[4]. Về án phí: Bị đơn vợ chồng anh T2, chị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4 Luật thương mại; Các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T.

1. Buộc bị đơn vợ chồng anh Bùi Văn T2, chị Bùi Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T số tiền **288.219.178 đồng** (trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 63.397.260 đồng, tiền lãi quá hạn đến ngày 21/7/2023 là 24. 821.918 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T thì lãi suất mà

vợ chồng anh T2, chị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T

2. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng anh T2, chị L phải chịu 14.410.958 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T 6.530.822 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 09606 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn anh T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị L vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T (2);
- THA DS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Văn Bình